

CÔNG KHAI TRƯỜNG TH&THCS TRẦN VĂN ƠN NĂM HỌC 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TH&THCS TRẦN VĂN ƠN.

2. Địa chỉ:

Địa chỉ: Bon Tinh Wel Đom, xã Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông;

Email: c12tranvanongn.daknong@moet.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <http://c12tranvanon.pgdgianghia.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

Loại hình: Trường công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thành phố Gia Nghĩa;

Tên nhà đầu tư thành lập: UBND thành phố Gia Nghĩa.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Đào tạo đội ngũ học sinh phát triển toàn diện, có khả năng học tập suốt đời, có kỹ năng tốt, sẵn sàng học tập trong mọi môi trường giáo dục.

Khẳng định được vị trí và thương hiệu của nhà trường, là điểm đến tin cậy của phụ huynh, là ngôi trường hạnh phúc của tập thể CB-GV-NV và học sinh.

Xây dựng trường học hạnh phúc. Mỗi học sinh, khi đến trường, đều tìm thấy niềm vui mỗi ngày, đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của mình.

Là một trường đi đầu không khu vực trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

Xây dựng môi trường học tập thân thiện, lành mạnh, tích cực, an toàn với cơ sở vật chất, cảnh quan xanh sạch đẹp, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục, VH-TT, sinh hoạt tập thể vui tươi, lành mạnh, tạo không khí đoàn kết, thân ái, thi đua học tập. Huy động thêm nhiều sự tham gia, quan tâm hợp tác, cộng đồng trách nhiệm của các Đoàn thể, CMHS và toàn xã hội đối với nhà trường.

Đánh giá học sinh đảm bảo khách quan, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh. Xây dựng ngân hàng đề kiểm tra cả chương trình,

hợp lý giữa hình thức trắc nghiệm và tự luận. Giáo viên khi chấm kiểm tra phải có lời nhận xét động viên, theo dõi sự cố gắng tiến bộ của học sinh. Hướng dẫn học sinh đánh giá lẫn nhau và biết tự đánh giá năng lực của mình.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường trường TH&THCS Trần Văn Ôn được thành lập theo Quyết định số 584/QĐ-UB ngày 02 tháng 10 năm 2010 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa trên cơ sở trường tiểu học và trung học cơ sở Trần Văn Ôn.

Đến tháng 11/2017, trường TH&THCS Trần Văn Ôn được tách ra và thành lập trường THCS Phạm Hồng Thái theo Quyết định số 688/QĐ-UBND, ngày 18/7/2017; Trường TH&THCS Trần Văn Ôn được đổi tên thành trường Tiểu học Trần Văn Ôn theo Quyết định số 804/QĐ-UBND, ngày 8/9/2017.

Đến ngày 13/01/2020 UBND thành phố Gia Nghĩa đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của về việc sáp nhập Trường Tiểu học Trần Văn Ôn và Trường trung học cơ sở Phạm Hồng Thái để thành lập Trường Tiểu học và trung học cơ sở Trần Văn Ôn.

Năm học 2022-2023 trường được công nhận đạt Kiểm định chất lượng mức độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ I.

Năm học 2024-2025 nhà trường có 31 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao với mọi công việc được giao, năng lực chuyên môn vững, tận tụy, hết lòng vì học sinh, yên tâm với nghề và thực sự yêu nghề, mến trẻ. CB, GV, NV đều đạt chuẩn, đây là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục.

Lượng học sinh đến trường tăng dần hàng năm. Tính đến đầu năm học 2024- 2025, trường có 16 lớp với hơn 489 học sinh.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ tên: Lê Hữu Vọng,

Chức vụ: Hiệu trưởng;

Địa chỉ nơi làm việc: Bon Tinh Wel Đom, xã Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Điện thoại: 0843700079

Thư điện tử: thayvongtranphu@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc sáp nhập Trường Tiểu học Trần Văn Ôn và Trường trung học cơ sở Phạm Hồng Thái để thành lập Trường Tiểu học và trung học cơ sở Trần Văn Ôn.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học và trung học cơ sở Trần Văn Ôn.

| TT | Họ tên | Chức vụ | Chức vụ trong Hội đồng |
|-----------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 01 | Ông Lê Hữu Vọng, | - Bí thư Chi bộ, hiệu trưởng; | Chủ tịch HĐ |
| 02 | Bà Bùi Thanh Hương, | - CT Công đoàn; | PCT HĐ |
| 03 | Bà Phạm Thị Kim Phú, | - Phó Hiệu trưởng; | PCT HĐ |
| 04 | Bà Nguyễn Thị Hóa, | - Tổ trưởng chuyên môn; | Thành viên |
| 05 | Bà Phan Thị Lương, | - Tổ trưởng chuyên môn; | Thành viên |
| 06 | Ông Bùi Ngọc Thế | - Tổ trưởng chuyên môn; | Thành viên |
| 07 | Ông Võ Trọng Nghĩa | - Tổ trưởng chuyên môn; | Thành viên |
| 08 | Bà Đoàn Thị Hạnh | - Tổng phụ trách Đội; | Thành viên |
| 09 | Ông Trần Quang Ninh | - Tổ trưởng Tổ Văn phòng; | Thành viên |
| 10 | Ông Vương Văn Thượng | - Bí thư chi đoàn | Thành viên |
| 11 | Bà Quán Thị Ngọc | - Phó CTUBND xã Đắc Nĩa | Thành viên |
| 12 | Ông K' Tang | - Trưởng Ban đại diện CMHS; | Thành viên |
| 13 | Em Liên đội trưởng nhà trường | - Liên đội trưởng | Thành viên |

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm ban giám hiệu

Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 05/03/2021 về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý của UBND thành phố Gia Nghĩa đối với ông Lê Hữu Vọng, hiệu trưởng trường trường TH&THCS Trần Văn Ôn; Quyết định số số 155/QĐ-UBND ngày 5/3/2021 về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý của UBND thành phố Gia Nghĩa đối với bà Phạm Thị Kim Phú, phó hiệu trưởng trường trường TH&THCS Trần Văn Ôn;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

Trường ban hành Quy chế số 01/QCLV-TVO ngày 07/9/2024 về việc ban hành quy chế làm việc trường trường TH&THCS Trần Văn Ôn.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể

Trường trường TH&THCS Trần Văn Ôn được thành lập theo Quyết định số 584/QĐ-UB ngày 02 tháng 10 năm 2010 của Chủ tịch UBND thị xã Gia Nghĩa

trên cơ sở trường tiểu học và trung học cơ sở Trần Văn Ôn.

Đến tháng 11/2017, trường TH&THCS Trần Văn Ôn được tách ra và thành lập trường THCS Phạm Hồng Thái theo Quyết định số 688/QĐ-UBND, ngày 18/7/2017; Trường TH&THCS Trần Văn Ôn được đổi tên thành trường Tiểu học Trần Văn Ôn theo Quyết định số 804/QĐ-UBND, ngày 8/9/2017.

Đến ngày 13/01/2020 UBND thành phố Gia Nghĩa đã ban hành Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2020 của về việc sáp nhập Trường Tiểu học Trần Văn Ôn và Trường trung học cơ sở Phạm Hồng Thái để thành lập Trường Tiểu học và trung học cơ sở Trần Văn Ôn.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

Họ tên: Lê Hữu Vọng, Điện thoại: 0843700079

Chức vụ: Hiệu trưởng, Địa chỉ Email: thayvongtranphu@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Bon Tinh Wel Đom, xã Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Nhiệm vụ, trách nhiệm:

Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định tại Điều 9 Điều lệ trường học; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; tổ chức thành lập hội đồng trường theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 10 Điều lệ trường học;

- Tổ chức xây dựng chiến lược, tầm nhìn, mục tiêu, quy hoạch phát triển nhà trường; quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; kế hoạch giáo dục hằng năm của nhà trường để trình hội đồng trường phê duyệt và tổ chức thực hiện;

- Thực hiện các quyết định hoặc kết luận của hội đồng trường về những nội dung được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Điều lệ trường học. Trường hợp hiệu trưởng không nhất trí với quyết định của hội đồng trường cần xin ý kiến cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp của nhà trường. Trong thời gian chờ ý kiến của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp, hiệu trưởng vẫn phải thực hiện theo quyết định của hội đồng trường đối với các vấn đề không trái với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này;

- Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và các quyết định của hội đồng trường trước hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thực hiện tuyển dụng, quản lý giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động, tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật;

- Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, ký xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh tiểu học (nếu có) của trường phổ thông có nhiều cấp học, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục

phổ thông cho học sinh trung học phổ thông (nếu có) và quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

- Quản lý tài chính và tài sản của nhà trường;

- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; thực hiện quy chế dân chủ, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong tổ chức hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường;

- Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động; thực hiện công khai đối với nhà trường và xã hội theo quy định của pháp luật;

- Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định; tham gia dạy học theo quy định về định mức giờ dạy đối với hiệu trưởng;

- Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục: Chiến lược số 19/CLTH-TH&THCS Trần Văn Ôn ngày 20 tháng 8 năm 2021 về chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030;

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quy chế được ban hành theo Quyết định số 35/QĐQCDC-TH&THCS Trần Văn Ôn ngày 21/8/2024 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ cơ sở trong hoạt động của trường TH&THCS Trần Văn Ôn.

Các nghị quyết của hội đồng trường;

Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;

Quy chế chi tiêu nội bộ;

Quy chế sử dụng tài sản.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

| NĂM HỌC 2024-2025 | | | | | | | | NĂM HỌC 2023-2024 | | | | | | |
|-------------------------------|-----------|-----------|-----------|-------------------------------------|-------------------|-----|------------------|-------------------|----|---------|-------------------------------------|-------------------|-----|------------------|
| Vị trí | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo Đạt/chưa đạt chuẩn | Chuẩn nghề nghiệp | | Bồi dưỡng CM, NV | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo Đạt/chưa đạt chuẩn | Chuẩn nghề nghiệp | | Bồi dưỡng CM, NV |
| | | | | | Tốt | Khá | | | | | | Tốt | Khá | |
| Hiệu trưởng | 01 | 00 | 00 | 01 | 01 | | Hoàn thành | 01 | 00 | 00 | 01 | 01 | | Hoàn thành |
| Phó hiệu trưởng | 01 | 01 | 00 | 01 | 01 | | Hoàn thành | 01 | 01 | 00 | 01 | 01 | | Hoàn thành |
| Giáo viên THCS hạng II | 05 | 04 | 01 | 05 | 05 | | Hoàn thành | 05 | 04 | 01 | 05 | 05 | | Hoàn thành |
| Giáo viên THCS hạng III | 07 | 02 | 01 | 07 | 06 | 01 | Hoàn thành | 07 | 02 | 01 | 07 | 06 | 01 | Hoàn thành |
| Giáo viên THCS chưa đạt chuẩn | 01 | 01 | 00 | 01 | - | | Hoàn thành | 01 | 01 | 00 | 01 | - | | Hoàn thành |
| Giáo viên TH hạng II | 06 | 06 | 02 | 06 | 05 | 01 | Hoàn thành | 05 | 05 | 01 | 05 | 04 | 01 | Hoàn thành |
| Giáo viên TH hạng III | 05 | 04 | 00 | 05 | 04 | 01 | Hoàn thành | 05 | 04 | 00 | 05 | 04 | 01 | Hoàn thành |
| GV TH chưa đạt chuẩn | 01 | 01 | 00 | 01 | - | - | Hoàn thành | 01 | 01 | 00 | 01 | - | - | Hoàn thành |
| Nhân viên (01 bảo vệ) | 04 | 02 | 01 | 04 | - | - | - | 04 | 02 | 01 | 04 | - | - | - |
| Cộng | 31 | 21 | 05 | 31 | 22 | 03 | - | 30 | 20 | 04 | 30 | 21 | 03 | - |

| STT | Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|-----|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1 | Tổng số giáo viên | 28 | 28 | 27 | 26 | 24 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 1,55 | 1,55 | 1,55 | 1,64 | 1,50 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 5,97 | 5,97 | 6.02 | 0,06 | 0,04 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp quận và tương đương | 14 | 14 | 16 | 16 | 16 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên | 04 | 06 | 06 | 08 | 08 |

(Số liệu của 5 năm gần đây của nhà trường)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Trường có diện tích 21,000 m². Khuôn viên nhà trường được xây dựng ở môi trường yên tĩnh, đường quốc lộ 28 đi qua giao thông thuận tiện cho học sinh đến trường, diện tích bình quân 43,5m²/học sinh.

Trong những năm qua, nhà trường đã trồng và thường xuyên chăm sóc cây xanh che bóng mát cũng như các loại hoa kiểng. Đến nay, trong khuôn viên trường đã có các bồn hoa hình tròn trồng cây tạo bóng mát và các loại hoa để tăng tính thẩm mỹ cho sân trường, đảm bảo khuôn viên xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh;

Trường có cổng trường, biển tên trường, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có tường rào bảo vệ khép kín cao 1,8m đảm bảo an toàn. Cổng chính của trường được xây dựng kiên cố, rộng rãi, cao ráo bảo đảm an toàn cho các bậc phụ huynh đưa đón học sinh, kể cả trong giờ cao điểm. Bên cạnh đó, Trường còn có 01 cổng phụ thuận tiện trong giờ tan học PH đến đón con thuận tiện. Biển tên trường được lắp đặt rõ ràng, đảm bảo vẻ mỹ quan, nội dung biển tên trường đúng theo quy định Điều lệ trường học;

Trường đã xây dựng công trình tổng diện tích 1617.3 m²; có sân chơi với diện tích khoảng 1445m², được đổ bê tông đảm bảo diện tích khuôn viên, sân chơi, bãi tập theo quy định. Sân chơi, sân tập bằng phẳng đảm bảo an toàn cho học sinh vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao, có các dụng cụ luyện tập thể dục, thể thao cho học sinh như: bóng chuyền, nhảy dây, cầu lông... Diện tích

các phòng làm việc, phòng học:

Diện tích cụ thể như sau:

| Diện tích đất | | | Số lượng (m ²) | | | | | |
|---|------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------------|----------|-----------------------------|----------|-----------------------------|
| Tổng diện tích khuôn viên đất | | | 21.000 | | | | | |
| Trong đó: Diện tích đất được cấp | | | 21.000 | | | | | |
| Diện tích đất đi thuê (mượn) | | | 00 | | | | | |
| Diện tích đất sân chơi, bãi tập | | | 1.445 | | | | | |
| Phòng | Trên cấp 4 | | Cấp 4 | | Tạm | | Mượn | |
| | Số lượng | Diện tích (m ²) | Số lượng | Diện tích (m ²) | Số lượng | Diện tích (m ²) | Số lượng | Diện tích (m ²) |
| - Phòng học văn hoá | 16 | 787.36 | - | - | - | - | - | - |
| Trong đó: + Số phòng học đủ DTích và BGhế phù hợp tổ chức học nhóm | 16 | 787.36 | - | - | - | - | - | - |
| + Số phòng học đủ diện tích cho việc bố trí các nhóm học tập | 16 | 787.36 | - | - | - | - | - | - |
| + Số phòng học có đủ bàn ghế phù hợp cho việc tổ chức học nhóm | 16 | 787.36 | - | - | - | - | - | - |
| - Phòng học tin học | 1 | 45.6 | - | - | - | - | - | - |

| | | | | | | | | |
|---------------------------------------|---|------|---|-------|---|---|---|---|
| - Phòng học ngoại ngữ | 1 | 45.6 | - | - | - | - | - | - |
| - Phòng giáo dục thể chất (đa năng) | - | - | 1 | 530 | - | - | - | - |
| - Hội trường | - | - | 1 | 80.94 | - | - | - | - |
| - Phòng giáo dục nghệ thuật | - | - | 1 | 57 | - | - | - | - |
| - Phòng giáo dục mỹ thuật | - | - | 1 | 46.97 | - | - | - | - |
| - Phòng giáo dục âm nhạc | - | - | - | | - | - | - | - |
| - Phòng Thư viện | 1 | 45.6 | - | - | - | - | - | - |
| - Phòng thiết bị giáo dục | 1 | 45.6 | - | - | - | - | - | - |
| - Phòng truyền thông và hoạt động Đội | 1 | 45.6 | - | - | - | - | - | - |
| - Phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật | 1 | 45.6 | - | - | - | - | - | - |
| - Phòng y tế học đường | - | - | 1 | 21.6 | - | - | - | - |
| - Phòng hiệu trưởng | - | - | 1 | 24.6 | - | - | - | - |
| - Phòng phó hiệu trưởng | - | - | 1 | 24.6 | - | - | - | - |
| - Phòng giáo viên | - | - | - | - | - | - | - | - |
| - Phòng họp giáo viên (hội đồng) | - | - | 1 | 80.94 | - | - | - | - |
| - Văn phòng | - | - | | | - | - | - | - |
| - Phòng thường trực - Bảo vệ | - | - | 1 | 15.6 | - | - | - | - |
| - Nhà công vụ giáo viên | - | - | 2 | 40.5 | - | - | - | - |

| | | | | | | | | |
|------------------------|-----------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------|
| - Phòng kho lưu trữ | | | 2 | 41.5 | | | | |
| Nhà vệ sinh | Dùng cho GV Nam | | Dùng cho GV nữ | | Dùng cho HS nam | | Dùng cho HS nữ | |
| | Số lượng g | Diện tích (m ²) | Số lượng g | Diện tích (m ²) | Số lượng g | Diện tích (m ²) | Số lượng g | Diện tích (m ²) |
| Đạt chuẩn vệ sinh (*) | 1 | 14.5 | 1 | 14.5 | 2 | 44.2 | 2 | 44.2 |
| Chưa đạt chuẩn vệ sinh | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Không có | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |

(*) Nhà tiêu hai ngăn ủ phân tại chỗ, nhà tiêu chìm có ống thông hơi, nhà tiêu thấm dột nước, nhà tiêu tự hoại

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia Trong 5 năm gần đây, nhà trường thực hiện đánh giá ngoài về kiểm định chất lượng giáo dục Đạt mức 2 trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (2023-2024):

a) Số lượng HS:

| Tên lớp | SL | SL Nữ | Tỉ lệ(%) | Dân Tộc | Tỉ lệ(%) | Nữ Dân tộc | Ghi chú |
|--------------------------|------------|------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|
| Lớp 1 | 252 | 24 | 46,2 | 41 | 78.8% | 20 | 48.8% |
| Lớp 2 | 45 | 25 | 55,6 | 37 | 82.2% | 19 | 51.4% |
| Lớp 3 | 39 | 20 | 51,3 | 34 | 87.2% | 17 | 50.0% |
| Lớp 4 | 50 | 28 | 56,0% | 40 | 80.0% | 22 | 55.0% |
| Lớp 5 | 41 | 20 | 48,8% | 32 | 78.0% | 17 | 53.1% |
| Tổng bậc tiểu học | 227 | 117 | 51,5% | 184 | 81.1% | 95 | 51.6% |
| Lớp 6 | 65 | 36 | 55.4% | 40 | 61.5% | 22 | 55.0% |
| Lớp 7 | 71 | 39 | 54.9% | 53 | 74.6% | 31 | 58.5% |
| Lớp 8 | 59 | 36 | 61.0% | 39 | 66.1% | 22 | 56.4% |
| Lớp 9 | 57 | 26 | 45.6% | 40 | 70.2% | 16 | 40.0% |

| | | | | | | | |
|-------------------------|------------|------------|--------------|------------|--------------|------------|--------------|
| Tổng bậc THCS | 252 | 137 | 54.4% | 172 | 68.3% | 91 | 52.9% |
| Tổng toàn trường | 479 | 254 | 53.0% | 356 | 74.3% | 186 | 52.2% |

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Bậc tiểu học:

| STT | Nội dung | Tổng số | Chia ra theo khối lớp | | | | |
|------------|--|-------------------|-----------------------|-------|-------|-------|-------|
| | | | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 |
| I | Tổng số học sinh | 227 | 52 | 45 | 39 | 50 | 41 |
| II | Số học sinh học 2 buổi/ngày | 227 | 52 | 45 | 39 | 50 | 41 |
| III | Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất | 227 | 52 | 45 | 39 | 50 | 41 |
| 1 | <i>Tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số) | 110 /227 48,4% | 26 | 20 | 19 | 25 | 20 |
| 2 | <i>Đạt</i> (tỷ lệ so với tổng số) | 96/227 42,2% | 26 | 25 | 20 | 25 | 21 |
| 3 | <i>Cần cố gắng</i> (tỷ lệ so với tổng số) | 6/227 0,26% | 4 | 0 | 1 | 1 | - |
| IV | Số học sinh chia theo kết quả học tập | 227 | 52 | 45 | 39 | 50 | 41 |
| 1 | <i>Hoàn thành tốt</i> (tỷ lệ so với tổng số) | 100 /227 44% | 26 | 20 | 12 | 22 | 20 |
| 2 | <i>Hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số) | 121/227 53,3% | 22 | 25 | 26 | 27 | 21 |
| 3 | <i>Chưa hoàn thành</i> (tỷ lệ so với tổng số) | 6/227 0,26% | 4 | 0 | 1 | 1 | 0 |
| V | Tổng hợp kết quả cuối năm | 227 | 52 | 45 | 39 | 50 | 41 |
| 1 | Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số) | 221/227 97,3% | 48 | 45 | 38 | 49 | 41 |
| a | <i>Trong đó:</i> <i>HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)</i> | 60/227 26,4% | 13 | 15 | 12 | 12 | 8 |
| b | <i>HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)</i> | 13/227 6% | 2 | 2 | 2 | 4 | 3 |

| | | | | | | | |
|---|-------------------------------------|----------------|---|--|---|---|---|
| | | | | | | | |
| 2 | Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số) | 6/227 0,26% | 4 | | 1 | 1 | - |

- Bậc THCS:

| ST T | Nội dung | Tổng số | Chia ra theo khối lớp | | | |
|-----------|--|--------------|-----------------------|-----------|-----------|-----------|
| | | | Lớp 6 | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 |
| I | Số học sinh chia theo hạnh kiểm | 250 | 65 | 71 | 59 | 55 |
| 1 | Tốt (tỷ lệ so với tổng số) | 241 | 56 | 64 | 44 | 50 |
| 2 | Khá (tỷ lệ so với tổng số) | 35 | 9 | 7 | 14 | 5 |
| 3 | Trung bình (tỷ lệ so với tổng số) | 1 | - | - | 1 | - |
| 4 | Yếu (tỷ lệ so với tổng số) | - | - | - | - | - |
| II | Số học sinh chia theo học lực | 250 | 65 | 71 | 59 | 55 |
| 1 | Giỏi (tỷ lệ so với tổng số) | 11 | 4 | 2 | 1 | 4 |
| 2 | Khá (tỷ lệ so với tổng số) | 58 | 19 | 11 | 12 | 16 |
| 3 | Trung bình (tỷ lệ so với tổng số) | 170 | 37 | 56 | 44 | 36 |
| 4 | Yếu (tỷ lệ so với tổng số) | 11 | 7 | 2 | 2 | 0 |
| 5 | Kém (tỷ lệ so với tổng số) | - | - | - | - | - |
| II | Tổng hợp kết quả cuối năm (Năm 2023-2024) | | | | | |
| 1 | Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số) | 245 97.01 | 63 88.1 | 57 95 | 55 100 | 43 100 |
| a | Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số) | 10 | 3 | 2 | 2 | 3 |
| b | Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số) | 55 | 10 | 14 | 17 | 14 |
| 2 | Thi lại (tỷ lệ so với tổng số) | 05 | 03 | - | 02 | - |
| 3 | Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số) | 00 | - | - | - | - |
| 4 | Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số) | 3/7 | 0 /03 | 0/1 | 3/02 | 0/2 |
| 5 | Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số) | - | - | - | - | - |
| 6 | Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số) | 03 | 01 | 0 | 02 | 0 |
| IV | Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh | | | | | |

| | giỏi | | | | | |
|------------------|--|-------------|-------|-------|-------|-------|
| 1 | Cấp huyện | 7 | 3 | 1 | - | 3 |
| 2 | Cấp tỉnh/thành phố | 01 | - | - | - | 01 |
| 3 | Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế | - | - | - | - | - |
| V | Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp | 49 | - | - | - | 49 |
| VI | Số học sinh được công nhận tốt nghiệp | 49 | - | - | - | 49 |
| 1 | Giỏi (tỷ lệ so với tổng số) | 3 | - | - | - | 3 |
| 2 | Khá (tỷ lệ so với tổng số) | 14 | - | - | - | 14 |
| 3 | Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số) | 32 | - | - | - | 32 |
| VII | Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số) | - | - | - | - | - |
| VII I | Số học sinh nam/số học sinh nữ | 110/13 5 | 33/67 | 52/29 | 39/26 | 20/31 |
| IX | Số học sinh dân tộc thiểu số | 170 | 40 | 53 | 39 | 38 |

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 41/41, tỷ lệ 100%. Học sinh tốt nghiệp THCS 55/55, tỉ lệ 100%.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không có

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác) theo Nghị quyết 06/2021/NQ-HĐND tỉnh Đắk Nông)

- Quỹ thông tin liên lạc: 22.900.000 đ
- Thuê dọn nhà vệ sinh học sinh: 41.130.000 đ
- Quỹ Đội: 20.565.000 đ
- Kiểm tra đánh giá học sinh: 22.750.000đ

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu,

phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Ngân sách nhà nước năm 2024: 3.676.188.000 đ
- + Chi lương, phụ cấp và thu nhập: 3.579.491.000 (tới tháng 9)
- + Chi cơ sở vật chất: 0 đ
- + Chi khác: 45.892.000 đ
- + Chi chuyên môn: 50.805.000 đ
- Chi từ nguồn ngoài ngân sách.
- + Quỹ thông tin liên lạc: 22.900.000 đ
- + Thuê dọn vệ sinh: 41.130.000 đ
- + Quỹ Đội: 15.619.000 đ

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Chưa chi trả học kỳ 2 năm học 2023 – 2024.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Xây dựng kế giáo dục năm học 2023-2024 ngày 31 tháng 8 năm 2023 trong thực hiện nhiệm vụ năm học.

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn, giáo viên thực hiện Căn cứ Kế hoạch số 35/KH-PGD&ĐT ngày 25/8/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Gia Nghĩa về việc triển khai hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học cơ sở năm học 2023-2024; Hướng dẫn số 507/HD-PGDĐT ngày 28/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo, về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2023-2024. Các bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch chi tiết và phân công nhiệm vụ cụ thể các bộ phận, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong đó chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh từng bước nâng cao chất lượng dạy và học. Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng sửa dụng sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhiệm vụ năm học, hướng dẫn tổ chức các sân chơi, hội thi; công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh:

Ngay từ đầu năm học, lãnh đạo nhà trường đã xây dựng các kế hoạch tổ chức, tham gia các sân chơi, các hội thi như giao lưu tiếng Việt, Sáng tạo TTN-Nhi đồng,

Khoa học kỹ thuật, các cuộc thi học sinh giỏi... và triển khai tổ chức thực hiện giúp học sinh có thêm sân chơi bổ ích, được học hỏi, tiếp thu kiến thức qua từng vòng thi và đạt nhiều kết quả cao.

- Kết quả công tác chỉ đạo chuyên môn

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch hợp chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học. Các tổ chuyên môn chủ động xây dựng nội dung sinh hoạt định kỳ 2 lần/tháng. Xây dựng kế hoạch tổ chức thao giảng, chuyên đề, dự giờ thăm lớp để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học. Kết quả: trong năm học 2023-2024 đã tổ chức 8 chuyên đề.

Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn cùng giáo viên phụ trách bộ môn đã tham dự đầy đủ các chuyên đề do tổ giáo viên cốt cán tổ chức..

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

2.1. Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục
Triển khai việc thực hiện KHGD, KHDH môn học, KHBD đến toàn thể GV trường; chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện Kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục. 100% tổ chuyên môn xây dựng, triển khai KHGD, KHDH môn học. 100% giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

* Đối với các lớp từ lớp 1 đến lớp 4 và lớp 6 đến lớp 8

- Thực hiện theo tinh thần Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành CTGDPT 2018;

- Tổ chức triển khai Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ GD & ĐT về việc quy định đánh giá, xếp loại học sinh THCS;

+ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ GD & ĐT về việc quy định việc lựa chọn SGK trong cơ sở GDPT;

+ Công văn của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn quy trình lựa chọn sách giáo khoa lớp 5 và lớp 9.

- 100% GV lớp 1, 2, 3, 4 được tham gia tập huấn chuyên môn, tập huấn lựa chọn SGK. Kết quả có 16/16 lớp (100%) học sinh được học tập và tham gia các hoạt động giáo dục, đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo yêu cầu nội dung chương trình.

* Đối với lớp 5, lớp 9: - Tiếp tục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quyết định số 16/2006/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ GD & ĐT về việc ban hành CTGDPT;

- Tổ chức triển khai quán triệt tinh thần văn bản hợp nhất số

03/VBHNBGDĐT (hợp nhất Thông tư số 22 và Thông tư 30) về việc đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học.

- Kết quả có 06/06 lớp 5 thực hiện hiệu quả CTGDPT 2006.

2.2. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học theo Chương trình GDPT 2018.

a) Đối với môn Tiếng Anh

Trường có 02 giáo viên dạy môn Tiếng Anh, 01 trình độ B1, 01 trình độ B2 Trường thực hiện dạy Tiếng Anh cho tất cả các lớp học 2 buổi/ ngày (12 lớp từ lớp 3 đến lớp 9).

- Đối với lớp 5: tiếp tục triển khai Chương trình Tiếng Anh tự chọn theo Chương trình GDPT 2006 theo quy định; tăng cường tổ chức dạy đủ 4 tiết/tuần cho HS lớp 5; sử dụng SGK, tài liệu dạy học theo quy định của Bộ GDĐT theo Công văn số 4329/BGDĐT-GDTH ngày 27/6/2013 về việc chấn chỉnh việc sử dụng SGK, tài liệu dạy Tiếng Anh tiểu học và các văn bản khác của Bộ GDĐT.

Số HS được học môn Tiếng Anh toàn đơn vị 389/486 HS đạt 80% học sinh toàn trường.

HS, tỷ lệ 100 %; Số HS lớp 5 được học môn Tiếng Anh 4 tiết/tuần là 41/41 HS tỷ lệ 100%.

b) Đối với môn Tin học và việc tổ chức hoạt động giáo dục Tin học

Trường có 01 giáo viên dạy môn Tin học, có 01 phòng máy với 22 máy vi tính.

Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% HS lớp 3, lớp 4 bậc tiểu học và lớp 6 đến 9 bậc THCS theo yêu cầu được quy định trong Chương trình GDPT 2018 và 2006; triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Tin học theo hướng dẫn của Bộ GDĐT theo Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học; HS lớp 3, 4 học môn Tin học, là 89/89, học sinh THCS 250/250 HS, tỷ lệ 100%. Học sinh lớp 5 được học môn Tin học là 41/41 HS, tỷ lệ 100%.

Kết quả: 100% học sinh lớp 3,4,5 được đánh giá hoàn thành môn học.

Thời lượng: Học sinh lớp 3, 4 và 6, 7, 8 học Tin học 1 tiết/tuần; lớp 5, lớp 9 học Tin học 2 tiết/tuần

3. Công tác triển khai giáo dục STEM, chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số

3.1. Đối với giáo dục STEM

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, cha mẹ HS, HS về vai trò của giáo dục STEM nhằm tạo sự đồng thuận; huy động

nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong Chương trình GDPT đối với 2 cấp học.

100% CB, GV được tập huấn giáo dục STEM, làm tốt công tác chỉ đạo, GV đã chủ động tích hợp nội dung giáo dục STEM vào kế hoạch giáo dục đảm bảo chất lượng và hiệu quả; tham dự các chuyên đề cấp cụm trường, cấp Quận nhằm tăng cường trao đổi chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chức dạy học STEM, bước đầu đưa nội dung giáo dục vào các môn học cụ thể theo chủ đề từng khối/lớp đã tạo được sự yêu thích, say mê, kích thích sự tìm tòi, học hỏi và sáng tạo của học sinh. Kết quả: 100% lớp thực hiện.

Tiếp tục thực hiện theo Công văn số 616/CV-PGD&ĐT ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Phòng giáo dục và Đào tạo thành phố Gia Nghĩa về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục THCS. Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học lồng ghép các chủ đề giáo dục STEM đặc biệt là các bộ môn: Vật lý, Sinh Học, Hóa học, công nghệ trên tinh thần công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

3.2. Đối với việc triển khai chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số

a) Đối với việc triển khai chuyển đổi số, giáo dục kỹ năng công dân số

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết, điều hành công việc. Ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, chỉ đạo, đặc biệt là nâng cao hiệu quả việc sử dụng hộp thư trường. Đẩy mạnh hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời, đa dạng, phong phú về nội dung và hình thức thông tin trên hộp thư trường và các hộp thư cá nhân.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức, người lao động về chính quyền số, chuyển đổi số, nhà trường xây dựng Kế hoạch số 44/KHCĐS-TVO ngày 29/9/2022 về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022-2023 và các năm tiếp theo..

- Phát huy vai trò của lãnh đạo nhà trường, công đoàn, đoàn thanh niên trong việc hỗ trợ viên chức, người lao động thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Thúc đẩy phát triển chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục; Đẩy mạnh công tác sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Tăng cường ứng dụng chữ ký số.

- Khai thác hiệu quả các hệ thống thông tin quản lý, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ tốt công tác quản lý của đơn vị. GV thực hiện các nội dung quản lý, đánh giá học sinh trên CSDL; báo cáo kết quả hoạt động giảng dạy, giáo dục trên hệ thống cơ sở dữ liệu; tham gia sinh hoạt, hội họp qua Google Meet... khi cần thiết.

- Thực hiện các dịch vụ công phục vụ học sinh, phụ huynh học sinh như khoản thu không sử dụng tiền mặt, sử dụng hóa đơn điện tử.

c) Đối với việc triển khai thí điểm triển khai Học bạ số. Đã tổ chức tập huấn thực hiện học bạ số cho 100% giáo viên và thí điểm thực hiện năm học 2023-2024 đội ngũ thực hiện có hiệu quả tốt. Năm học

4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018.

Trường TH&THCS Trần Văn Ôn đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-TVO ngày 28/8/2023 về Kế hoạch triển khai dạy học giáo dục địa phương năm học 2023-2024 trên cơ sở chương trình đã được Sở GD&ĐT ban hành và hướng dẫn của phòng GD&ĐT thành phố Gia Nghĩa.

Đối với cấp tiểu học nhà trường đã tổ chức triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương, gồm những vấn đề cơ bản, mang tính thời sự về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp của địa phương nhằm trang bị cho học sinh những hiểu biết về nơi sinh sống, bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, có trách nhiệm với cộng đồng, biết trân quý và phát huy văn hóa truyền thống quê hương, phát triển năng lực và phẩm chất, ý thức tìm hiểu và vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương. Các nội dung giáo dục địa phương thực hiện theo tài liệu hướng dẫn và được tích hợp với hoạt động trải nghiệm của trường; Kết quả có 8/8 lớp (100%) được tổ chức tham gia học tập các nội dung giáo dục địa phương, tạo điều kiện để các em được tìm hiểu, trải nghiệm về bản sắc văn hóa và truyền thống địa phương mình, nơi gần gũi với các em. Ngoài các hoạt động dạy học lịch sử địa phương tại lớp học, nhà trường tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động “về nguồn” nhân ngày Kỷ niệm 22/12..

5. Thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 5, lớp 9.

Căn cứ Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; Căn cứ Quyết định số 4119/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sách giáo khoa các môn học, hoạt động giáo dục lớp 5 và sách giáo khoa môn Tiếng Trung Quốc lớp 3, lớp 4 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sách giáo khoa các môn học, hoạt động giáo dục lớp 5 và sách giáo khoa môn Ngoại ngữ 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; đơn vị đã thực hiện lựa chọn Bộ sách giáo khoa lớp 5 đúng quy định.

Căn cứ Quyết định số 4338/QĐ-BGDĐT ngày 18/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông; Quyết định số 412/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt bổ sung sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND tỉnh

Đắk Nông về việc ban hành Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Công văn số 312/SGDDĐT-GDTrH-QLCL ngày ngày 23/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa lớp 9 và lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Căn cứ Công văn số 109/CV-PGDĐT ngày 23/02/2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong cơ sở giáo dục *phổ thông*

Sau khi có Quyết định phê duyệt củ UBND tỉnh nhà trường đã công bố Quyết định trên Website nhà trường và gửi đến PHHS bằng các phương tiện truyền thông khác nhau và công khai trên bangt hông báo của đơn vị.

6. Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

- Dựa trên tình hình thực tế của nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, chủ đề tích hợp, liên môn phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.

- Tiếp tục vận dụng triệt để, hiệu quả các phương pháp dạy học và các kỹ thuật dạy học tích cực để thực hiện dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

- Tăng cường rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu sách giáo khoa để tiếp nhận và vận dụng kiến thức mới thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập đặt ra trong bài học; dành nhiều thời gian trên lớp cho học sinh luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập của mình; giáo viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá, kết luận để học sinh tiếp nhận và vận dụng. Chú trọng rèn luyện kỹ năng và định hướng thái độ, hành vi cho học sinh; khắc phụ lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc.

- Các giáo viên đều phải có ý thức sử dụng đồ dùng dạy học như tranh ảnh, mẫu vật, bảng phụ, ...Đảm bảo sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả cho các tiết học có đồ dùng thí nghiệm, chống dạy chay, khuyến khích tự làm đồ dùng (giao Nhân viên thư viện, thiết bị lập sổ theo dõi).

- Khuyến khích GV có ý thức ứng dụng CNTT để đổi mới phương pháp dạy học và những GV biết sử dụng phần mềm dạy học. Trong năm học 2023 - 2024 mỗi giáo viên phải có ít nhất 4 bài giảng UDCNTT; quản lý hồ sơ giáo án, kế hoạch trên Vnedu.

- Thực hiện chuyên đề, ngoại khóa: mỗi tổ chuyên môn thực hiện 4 chuyên đề/ năm học, đảm bảo có đầy đủ các thành viên trong tổ dự. Tổ chức hội giảng các tiết (bài) khó (môn tích hợp ở lớp 6, 7 và 8) để tổ, nhóm đóng góp ý kiến, rút kinh nghiệm, tạo điều kiện để giáo viên thể hiện năng lực, học tập trao đổi kinh nghiệm về giảng dạy, tổ chức lớp học hiệu quả nhằm chuẩn bị tạo

nguồn cho giáo viên tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh năm học 2023-2024.

- Chỉ đạo giáo viên và học sinh tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trên trang mạng, xây dựng các chuyên đề dạy học tích hợp, liên môn; đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh

- BGH cùng tổ chuyên môn thường xuyên dự giờ đột xuất, kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, sử dụng đồ dùng dạy học của giáo viên nhằm tư vấn, giúp đỡ để giáo viên có phương pháp dạy tốt.

** Chỉ đạo tích cực đổi mới kiểm tra, đánh giá*

- Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả các học sinh cần chú trọng đánh giá qua sản phẩm, mô hình của học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ học tập; vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kĩ thuật; báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá thông qua các bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. *Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành.*

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra theo ma trận. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/ trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu: Nhận biết, Thông hiểu, Vận dụng, Vận dụng cao. Chỉ đạo việc ra các câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn đúng thay vì chỉ có các câu hỏi 1 lựa chọn đúng như trước đây.

- Tất cả các môn, tất cả các lớp, trong mỗi học kỳ tuyệt đối không dùng một hình thức tự luận hay trắc nghiệm khách quan để kiểm tra đánh giá học sinh.¹ Chủ động kết hợp một cách hợp lý, phù hợp giữa hình thức TN tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra. Đề kiểm tra phải đưa vào ngân hàng đề, được tổ chuyên môn, BGH ký duyệt mới kiểm tra.

- Tổ chức thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh .

- Khi chấm bài kiểm tra nhất thiết phải có phần nhận xét, hướng dẫn, sửa sai, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Việc cho điểm có thể kết hợp giữa đánh giá kết quả bài làm với theo dõi sự cố gắng, tiến bộ của học sinh

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá; chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định, bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của học sinh.

